TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LÊ CHÂN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 27/2022/QĐCNTTLH	*Quận Lê Chân, ngày 07 tháng 02 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của bà Lưu Thị T và ông Phạm Văn B;

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 12 năm 2021 về việc yêu cầu ly hôn của bà Lưu Thị T.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 21 tháng 01 năm 2022 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

Bà Lưu Thị T; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 5/24/22 M, phường D, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số 1/1 V, phường Đ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Ông Phạm Văn B; nơi cư trú: Số 5/24/22 M, phường D, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận kết quả hào giải ngày 21 tháng 01 năm 2022 có đủ điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 21 tháng 01 năm 2022, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Thị T và ông Phạm Văn B được thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Phạm Thị T, sinh ngày 09/10/1972; Phạm Thái Đ, sinh ngày 07/12/1974 và Phạm Đức L, sinh ngày 30/12/1981. Hai bên thỏa thuận các con đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà T và ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND cùng cấp;
- THADS cùng cấp;
- UBND quận Hồng Bàng, Hải Phòng (GCNKH ngày 11/4/1972);
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tuyết Hồng